

Name: Phạm Đức Thế²

ID: 19522253

Class: IT007.M14.2

OPERATING SYSTEM LAB 1 REPORT

SUMMARY

Task		Status	Page
Section 1.5	Ex 1	Hoàn thành	2
	Ex 2	Hoàn thành	3
	Ex 3	Hoàn thành	6
	Ex 4	Hoàn thành	8
	Ex 5	Hoàn thành	9
	Ex 6	Hoàn thành	9
	Ex 7	Hoàn thành	10

Self-scores: 10/10

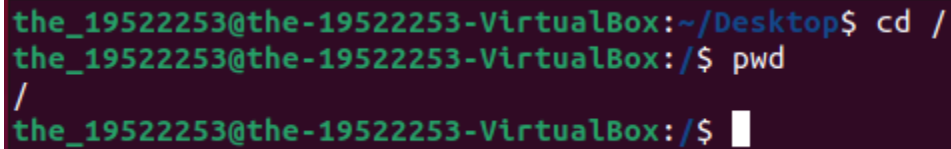
Note: Export file to **PDF and name the file by following format:
LAB X – <Student ID>.pdf*

Section 1.5

1. Task name 1: Thực hiện lệnh chuyển thư mục theo thứ tự sau:

🔗 Chuyển về thư mục gốc.

- Để di chuyển đến thư mục gốc, chúng ta thực hiện lệnh: `cd /`



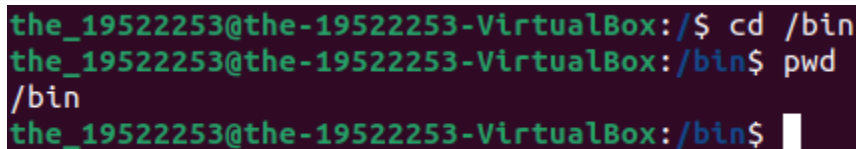
```
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~/Desktop$ cd /
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:/$ pwd
/
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:/$
```

Hình 1: Sử dụng lệnh `cd /` để di chuyển đến thư mục gốc.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh `cd /` ta có thể dùng lệnh `pwd` để kiểm tra địa chỉ của thư mục hiện hành. Lúc này, ta thấy thư mục hiện hành là `/` có nghĩa là chúng ta đã di chuyển đến root thành công.

🔗 Chuyển đến thư mục `/bin`.

- Từ thư mục gốc, để di chuyển đến thư mục `/bin`, chúng ta thực hiện lệnh: `cd /bin`



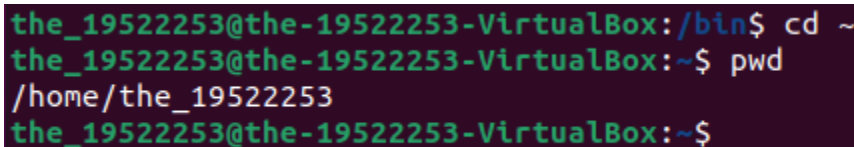
```
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:/$ cd /bin
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:/bin$ pwd
/bin
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:/bin$
```

Hình 2: Sử dụng lệnh `cd /bin` để di chuyển đến thư mục `/bin`.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh `cd /bin` ta có thể dùng lệnh `pwd` để kiểm tra địa chỉ của thư mục hiện hành. Lúc này, ta thấy thư mục hiện hành là `/bin` có nghĩa là chúng ta đã di chuyển đến thư mục `/bin` thành công.

🔗 Chuyển đến thư mục người dùng

- Từ thư mục `/bin`, để di chuyển đến thư mục người dùng, chúng ta thực hiện lệnh: `cd ~`



```
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:/bin$ cd ~
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ pwd
/home/the_19522253
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$
```


Hình 3: Sử dụng lệnh `cd ~` để di chuyển đến thư mục người dùng.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh `cd ~` ta có thể dùng lệnh `pwd` để kiểm tra địa chỉ của thư mục hiện hành. Lúc này, ta thấy thư mục

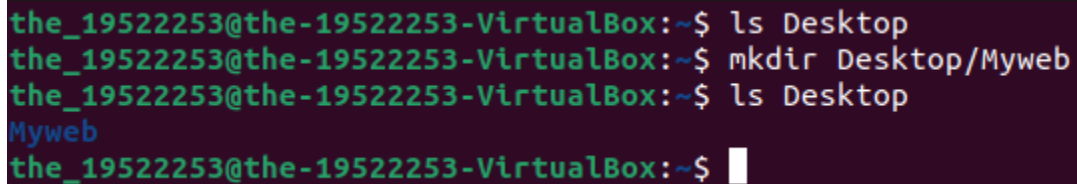
hiện hành là /home/the_19522253 là thư mục user_name của chúng ta khi tạo máy ảo, có nghĩa là chúng ta đã di chuyển đến thư mục người dùng thành công.

2. Task name 2: Tạo cây thư mục như sau trong thư mục cá nhân của mình theo hình sau:

```
Myweb
|-images
|   |-- icon
|   |-- background
|   |-- animation
|-databases
|-scripts
|-java
```

 Tạo thư mục Myweb (bên trong thư mục Desktop):


- Để tạo thư mục Myweb bên trong thư mục Desktop, chúng ta thực hiện lệnh: `mkdir Desktop/Myweb`



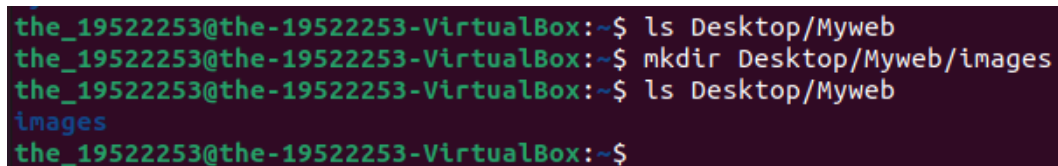
```
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ mkdir Desktop/Myweb
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop
Myweb
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$
```

Hình 4: Sử dụng lệnh `mkdir Desktop/Myweb` để tạo thư mục Myweb bên trong thư mục Desktop.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh `mkdir Desktop/Myweb` ta có thể dùng lệnh `ls Desktop` để kiểm tra các thư mục có trong thư mục Desktop trước và sau khi dùng lệnh `mkdir Desktop/Myweb`. Lúc này, ta thấy thư mục Myweb đã có trong thư mục Desktop sau khi dùng lệnh `mkdir Desktop/Myweb`, có nghĩa là chúng ta đã tạo thành công thư mục Myweb bên trong thư mục Desktop.

 Tạo thư mục images:

- Để tạo thư mục images bên trong thư mục Myweb, chúng ta thực hiện lệnh: `mkdir Desktop/Myweb/images`



```
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ mkdir Desktop/Myweb/images
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb
images
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$
```

Hình 5: Sử dụng lệnh mkdir Desktop/Myweb/images để tạo thư mục images bên trong thư mục Myweb.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh mkdir Desktop/Myweb/images ta có thể dùng lệnh ls Desktop/Myweb để kiểm tra các thư mục có trong thư mục Myweb trước và sau khi dùng lệnh mkdir Desktop/Myweb/images. Lúc này, ta thấy thư mục images đã có trong thư mục Myweb sau khi dùng lệnh mkdir Desktop/Myweb/images, có nghĩa là chúng ta đã tạo thành công thư mục images bên trong thư mục Myweb.

Tạo thư mục databases:

- Để tạo thư mục databases bên trong thư mục Myweb, chúng ta thực hiện lệnh: mkdir Desktop/Myweb/databases

```
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb
images
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ mkdir Desktop/Myweb/databases
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb
databases images
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$
```

Hình 6: Sử dụng lệnh mkdir Desktop/Myweb/databases để tạo thư mục databases bên trong thư mục Myweb.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh mkdir Desktop/Myweb/databases ta có thể dùng lệnh ls Desktop/Myweb để kiểm tra các thư mục có trong thư mục Myweb trước và sau khi dùng lệnh mkdir Desktop/Myweb/databases. Lúc này, ta thấy thư mục databases đã có trong thư mục Myweb sau khi dùng lệnh mkdir Desktop/Myweb/databases, có nghĩa là chúng ta đã tạo thành công thư mục databases bên trong thư mục Myweb.

Tạo thư mục scripts:

- Để tạo thư mục scripts bên trong thư mục Myweb, chúng ta thực hiện lệnh: mkdir Desktop/Myweb/scripts

```
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb
databases images
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ mkdir Desktop/Myweb/scripts
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb
databases images scripts
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$
```

Hình 7: Sử dụng lệnh mkdir Desktop/Myweb/scripts để tạo thư mục scripts bên trong thư mục Myweb.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh mkdir Desktop/Myweb/scripts ta có thể dùng lệnh ls Desktop/Myweb để kiểm tra các thư mục có trong thư mục Myweb trước và sau khi dùng lệnh mkdir

Desktop/Myweb/scripts. Lúc này, ta thấy thư mục scripts đã có trong thư mục Myweb sau khi dùng lệnh mkdir Desktop/Myweb/scripts, có nghĩa là chúng ta đã tạo thành công thư mục scripts bên trong thư mục Myweb.

Tạo thư mục java:

- Để tạo thư mục java bên trong thư mục Myweb, chúng ta thực hiện lệnh: mkdir Desktop/Myweb/java

```
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb
databases  images  scripts
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ mkdir Desktop/Myweb/java
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb
databases  images  java  scripts
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$
```

Hình 8: Sử dụng lệnh mkdir Desktop/Myweb/java để tạo thư mục java bên trong thư mục Myweb.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh mkdir Desktop/Myweb/java ta có thể dùng lệnh ls Desktop/Myweb để kiểm tra các thư mục có trong thư mục Myweb trước và sau khi dùng lệnh mkdir Desktop/Myweb/java. Lúc này, ta thấy thư mục java đã có trong thư mục Myweb sau khi dùng lệnh mkdir Desktop/Myweb/java, có nghĩa là chúng ta đã tạo thành công thư mục java bên trong thư mục Myweb.

Tạo thư mục icon:

- Để tạo thư mục icon bên trong thư mục images, chúng ta thực hiện lệnh: mkdir Desktop/Myweb/images/icon

```
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb/images
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ mkdir Desktop/Myweb/images/icon
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb/images
icon
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$
```

Hình 9: Sử dụng lệnh mkdir Desktop/Myweb/images/icon để tạo thư mục icon bên trong thư mục images.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh mkdir Desktop/Myweb/images/icon ta có thể dùng lệnh ls Desktop/Myweb/images để kiểm tra các thư mục có trong thư mục images trước và sau khi dùng lệnh mkdir Desktop/Myweb/images/icon. Lúc này, ta thấy thư mục icon đã có trong thư mục images sau khi dùng lệnh mkdir Desktop/Myweb/images/icon, có nghĩa là chúng ta đã tạo thành công thư mục icon bên trong thư mục images.

Tạo thư mục background:

- Để tạo thư mục background bên trong thư mục images, chúng ta thực hiện lệnh: mkdir Desktop/Myweb/images/background

```

the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb/images
icon
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ mkdir Desktop/Myweb/images/background
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb/images
background icon
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ █

```

Hình 10: Sử dụng lệnh `mkdir Desktop/Myweb/images/background` để tạo thư mục `background` bên trong thư mục `images`.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh `mkdir Desktop/Myweb/images/background` ta có thể dùng lệnh `ls Desktop/Myweb/images` để kiểm tra các thư mục có trong thư mục `images` trước và sau khi dùng lệnh `mkdir Desktop/Myweb/images/background`. Lúc này, ta thấy thư mục `background` đã có trong thư mục `images` sau khi dùng lệnh `mkdir Desktop/Myweb/images/background`, có nghĩa là chúng ta đã tạo thành công thư mục `background` bên trong thư mục `images`.

Tạo thư mục `animation`:

- Để tạo thư mục `animation` bên trong thư mục `images`, chúng ta thực hiện lệnh: `mkdir Desktop/Myweb/images/animation`

```

the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb/images
background icon
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ mkdir Desktop/Myweb/images/animation
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb/images
animation background icon
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ █

```

Hình 11: Sử dụng lệnh `mkdir Desktop/Myweb/images/animation` để tạo thư mục `animation` bên trong thư mục `images`.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh `mkdir Desktop/Myweb/images/animation` ta có thể dùng lệnh `ls Desktop/Myweb/images` để kiểm tra các thư mục có trong thư mục `images` trước và sau khi dùng lệnh `mkdir Desktop/Myweb/images/animation`. Lúc này, ta thấy thư mục `animation` đã có trong thư mục `images` sau khi dùng lệnh `mkdir Desktop/Myweb/images/animation`, có nghĩa là chúng ta đã tạo thành công thư mục `animation` bên trong thư mục `images`.

3. Task name 3: Tìm một số file có phần mở rộng là `.html` và `.class` trong hệ thống file và thư mục hiện hành. Copy một vài file `.html` vào thư mục `Myweb`.

Tìm một số file có phần mở rộng là `.html`:

- Để tìm một số file có phần mở rộng là `.html` trong hệ thống file (tìm từ thư mục `root`), chúng ta thực hiện lệnh: `find / -name *.html`


```

the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ find / -name *.html
find: '/tmp/systemd-private-6e8cfd05e4c349b19ae222d7e8cd10c8-upower.service-qVETRI': Permission denied
find: '/tmp/systemd-private-6e8cfd05e4c349b19ae222d7e8cd10c8-power-profiles-daemon.service-K52NlQ': Permission denied
find: '/tmp/systemd-private-6e8cfd05e4c349b19ae222d7e8cd10c8-systemd-logind.service-9VvDL5': Permission denied
find: '/tmp/systemd-private-6e8cfd05e4c349b19ae222d7e8cd10c8-systemd-timesyncd.service-MNywED': Permission denied
find: '/tmp/tracker-extract-files.126': Permission denied
find: '/tmp/systemd-private-6e8cfd05e4c349b19ae222d7e8cd10c8-switcheroo-control.service-tc4aHw': Permission denied
find: '/tmp/systemd-private-6e8cfd05e4c349b19ae222d7e8cd10c8-systemd-resolved.service-XM8FIH': Permission denied
find: '/tmp/systemd-private-6e8cfd05e4c349b19ae222d7e8cd10c8-ModemManager.service-iSc39I': Permission denied
find: '/tmp/systemd-private-6e8cfd05e4c349b19ae222d7e8cd10c8-color.service-QWJKiC': Permission denied
find: '/root': Permission denied
find: '/media/the_19522253/VBox_GAs_6.1.26': Permission denied
find: '/etc/polkit-1/localauthority': Permission denied
find: '/etc/ssl/private': Permission denied
find: '/etc/cups/ssl': Permission denied
/snap/snap-store/547/usr/share/doc/fontconfig/fontconfig-user.html
/snap/snap-store/547/usr/share/doc/libfreetype6/ft2faq.html
/snap/snap-store/547/usr/share/doc/shared-mime-info/shared-mime-info-spec.html
/snap/snap-store/547/usr/share/doc/shared-mime-info/shared-mime-info-spec.html/b518.html
/snap/snap-store/547/usr/share/doc/shared-mime-info/shared-mime-info-spec.html/index.html
/snap/snap-store/547/usr/share/doc/shared-mime-info/shared-mime-info-spec.html/x34.html
/snap/snap-store/547/usr/share/doc/shared-mime-info/shared-mime-info-spec.html/x497.html
/snap/snap-store/518/usr/share/doc/fontconfig/fontconfig-user.html
/snap/snap-store/518/usr/share/doc/libfreetype6/ft2faq.html
/snap/snap-store/518/usr/share/doc/shared-mime-info/shared-mime-info-spec.html
/snap/snap-store/518/usr/share/doc/shared-mime-info/shared-mime-info-spec.html/b518.html
/snap/snap-store/518/usr/share/doc/shared-mime-info/shared-mime-info-spec.html/index.html
/snap/snap-store/518/usr/share/doc/shared-mime-info/shared-mime-info-spec.html/x34.html
/snap/snap-store/518/usr/share/doc/shared-mime-info/shared-mime-info-spec.html/x497.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/Attributes.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/Classes.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/Concepts.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/Delegates.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/Enumerated_types__Enums_.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/Errors.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/Expressions.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/GIDL_metadata_format.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/GIR_metadata_format.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/Generics.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/Interfaces.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/Methods.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/Namespaces.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/Overview.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/Preprocessor.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/Statements.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/Structs.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/Types.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/devhelp/books/vala-0.46/index.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/gettext/projects/GNOME/teams.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/gettext/projects/KDE/teams.html
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/gettext/projects/TP/teams.html

```

Hình 12: Sử dụng lệnh `find / -name *.html` để tìm một số file có phần mở rộng là `.html` trong hệ thống file.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh `find / -name *.html` ta có thể nhìn vào màn hình và thấy hệ thống đã liệt kê ra cho chúng ta các file có phần mở rộng là `.html`, có nghĩa là chúng ta đã tìm các file có phần mở rộng là `.html` trong hệ thống thành công.

🚦 Tìm một số file có phần mở rộng là `.class`:

- Để tìm một số file có phần mở rộng là `.class` trong hệ thống file (tìm từ thư mục root), chúng ta thực hiện lệnh: `sudo find / -name *.class`

```

the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ sudo find / -name *.class
[sudo] password for the_19522253:
/snap/gnome-3-34-1804/66/usr/share/gettext/javaversion.class
/snap/gnome-3-34-1804/72/usr/share/gettext/javaversion.class
/usr/share/apport/testsuite/crash.class
find: '/run/user/1000/gvfs': Permission denied
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$

```

Hình 13: Sử dụng lệnh `sudo find / -name *.class` để tìm một số file có phần mở rộng là `.class` trong hệ thống file.

- Khác với câu trên tìm các file có phần mở rộng là .html, để tìm được các file có phần mở rộng là .class thì chúng ta cần thêm câu lệnh sudo ở trước để cung cấp quyền truy cập, nếu không có câu lệnh sudo ở trước thì chúng ta sẽ bị lỗi “Permission denied”. Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh sudo find / -name *.class ta có thể nhìn vào màn hình và thấy hệ thống đã liệt kê ra cho chúng ta các file có phần mở rộng là .class, có nghĩa là chúng ta đã tìm các file có phần mở rộng là .class trong hệ thống thành công.

Copy một vài file .html vào thư mục Myweb:

- Để copy một file .html vào thư mục Myweb, chúng ta cần tìm địa chỉ của một file .html, cụ thể ở đây em chọn file có địa chỉ sau: /usr/share/gtk-doc/html/iio-sensor-proxy/index.html. Sau đó chúng ta thực hiện lệnh: cp /usr/share/gtk-doc/html/iio-sensor-proxy/index.html Desktop/Myweb

```
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb
databases images java scripts
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ cp /usr/share/gtk-doc/html/iio-sensor-proxy/index.html Desktop/Myweb
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb
databases images index.html java scripts
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$
```

Hình 14: Sử dụng lệnh cp /usr/share/gtk-doc/html/iio-sensor-proxy/index.html Desktop/Myweb để copy một file .html vào thư mục Myweb.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh cp /usr/share/gtk-doc/html/iio-sensor-proxy/index.html Desktop/Myweb ta có thể dùng lệnh ls Desktop/Myweb để kiểm tra các thư mục và file có trong thư mục Myweb trước và sau khi dùng lệnh cp /usr/share/gtk-doc/html/iio-sensor-proxy/index.html Desktop/Myweb. Lúc này, ta thấy file index.html đã có trong thư mục Myweb sau khi dùng lệnh cp /usr/share/gtk-doc/html/iio-sensor-proxy/index.html Desktop/Myweb, có nghĩa là chúng ta copy thành công một file .html vào bên trong thư mục Myweb.

4. Task name 4: Thực hiện lệnh mv để di chuyển vài file .html trong thư mục Myweb vào thư mục Myweb/java.

- Để di chuyển một file .html từ thư mục Myweb vào thư mục Myweb/java, chúng ta thực hiện lệnh: mv Desktop/Myweb/index.html Desktop/Myweb/java

```
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb
databases images index.html java scripts
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ mv Desktop/Myweb/index.html Desktop/Myweb/java
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb
databases images java scripts
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb/java
index.html
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$
```

Hình 15: Sử dụng lệnh mv Desktop/Myweb/index.html Desktop/Myweb/java để di chuyển một file .html từ thư mục Myweb vào thư mục Myweb/java.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh mv Desktop/Myweb/index.html Desktop/Myweb/java ta có thể dùng lệnh ls Desktop/Myweb để kiểm tra các thư mục và file có trong thư mục Myweb trước và sau khi dùng lệnh mv Desktop/Myweb/index.html Desktop/Myweb/java. Lúc này, ta thấy file index.html từ thư mục Myweb sau khi dùng lệnh mv Desktop/Myweb/index.html Desktop/Myweb/java đã được di chuyển vào thư mục Myweb/java, có nghĩa là chúng ta di chuyển thành công một file .html từ thư mục Myweb vào bên trong thư mục Myweb/java.

5. Task name 5: Thực hiện xóa thư mục Myweb/scripts.

- Để xóa thư mục Myweb/scripts, chúng ta thực hiện lệnh: rm -rf Desktop/Myweb/scripts

```
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb
databases images java scripts
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ rm -rf Desktop/Myweb/scripts
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb
databases images java
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$
```

Hình 16: Sử dụng lệnh rm -rf Desktop/Myweb/scripts để xóa thư mục Myweb/scripts.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh rm -rf Desktop/Myweb/scripts ta có thể dùng lệnh ls Desktop/Myweb để kiểm tra các thư mục và file có trong thư mục Myweb trước và sau khi dùng lệnh rm -rf Desktop/Myweb/scripts. Lúc này, ta thấy thư mục scripts đã được xóa bỏ khỏi thư mục Myweb, có nghĩa là chúng ta đã xóa thư mục Myweb/scripts thành công.

6. Task name 6: Thiết lập quyền truy xuất cho thư mục Myweb/databases sao cho chỉ có chủ sở hữu có toàn quyền còn các người dùng khác không có bất kỳ quyền gì trên nó.



- Để thiết lập quyền truy xuất cho thư mục Myweb/databases sao cho chỉ có chủ sở hữu có toàn quyền còn các người dùng khác không có bất kỳ quyền gì trên đó, chúng ta thực hiện lệnh: chmod u=rwx,go= Desktop/Myweb/databases

```
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb -l
total 12
drwxrwxr-x 2 the_19522253 the_19522253 4096 Thg 10  7 11:18 databases
drwxrwxr-x 5 the_19522253 the_19522253 4096 Thg 10  7 11:45 images
drwxrwxr-x 2 the_19522253 the_19522253 4096 Thg 10  7 14:03 java
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ chmod u=rwx,go= Desktop/Myweb/databases
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ ls Desktop/Myweb -l
total 12
drwx----- 2 the_19522253 the_19522253 4096 Thg 10  7 11:18 databases
drwxrwxr-x 5 the_19522253 the_19522253 4096 Thg 10  7 11:45 images
drwxrwxr-x 2 the_19522253 the_19522253 4096 Thg 10  7 14:03 java
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$
```

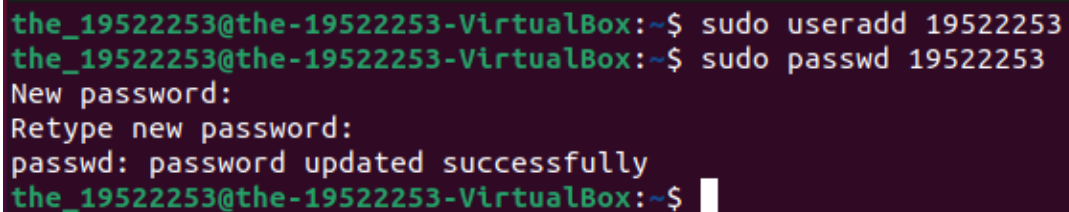
Hình 17: Sử dụng lệnh chmod u=rwx,go= Desktop/Myweb/databases để thiết lập quyền truy xuất cho thư mục Myweb/databases.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh `chmod u=rwx,go= Desktop/Myweb/databases` ta có thể dùng lệnh `ls Desktop/Myweb -l` để kiểm tra quyền truy xuất của các thư mục trong thư mục Myweb trước và sau khi dùng lệnh `chmod u=rwx,go= Desktop/Myweb/databases`. Lúc này, ta thấy ở thư mục databases trước khi dùng lệnh `chmod u=rwx,go= Desktop/Myweb/databases` thì `u=rwx` (người dùng có quyền read, write, execute), `g=rwx` (nhóm có quyền read, write, execute), `o=r-x` (khác có quyền read và execute, không có quyền write), sau khi dùng lệnh `chmod u=rwx,go= Desktop/Myweb/databases` thì `u=rwx` (người dùng có quyền read, write, execute), `g=---` (nhóm không có quyền read, write, execute), `o=---` (khác không có quyền read, write, execute), có nghĩa là chúng ta đã thiết lập quyền thành công cho thư mục Myweb/databases.

7. Task name 7: Tạo user có tên là MSSV và password là ngày sinh của từng sinh viên. User được tạo nằm trong group tên là HDH.

🔧 Tạo user có tên là MSSV và password là ngày sinh của từng sinh viên:

- Để tạo user có tên là MSSV (19522253) và password là ngày sinh của từng sinh viên, chúng ta thực hiện lệnh: `sudo useradd 19522253`, sau đó tiếp tục sử dụng lệnh: `sudo passwd 19522253`



```
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ sudo useradd 19522253
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ sudo passwd 19522253
New password:
Retype new password:
passwd: password updated successfully
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$
```

Hình 18: Sử dụng lệnh `sudo useradd 19522253` và lệnh `sudo passwd 19522253` để tạo user và password cho user.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh `sudo useradd 19522253` để tạo user và tiếp tục dùng lệnh `sudo passwd 19522253` để tạo password cho user vừa tạo. Sau khi tạo xong password màn hình xuất ra thông báo `password updated successfully`, có nghĩa là chúng ta đã tạo thành công user có tên là MSSV và password là ngày sinh của từng sinh viên.

🔧 User được tạo nằm trong group có tên là HDH:

- Để tạo group có tên là HDH, chúng ta sử dụng lệnh: `sudo groupadd HDH`

- Để user được tạo ở phần trên nằm trong group có tên là HDH, chúng ta sử dụng lệnh: `sudo usermod -a -G HDH 19522253`

```
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ sudo groupadd HDH
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ sudo usermod -a -G HDH 19522253
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$ sudo groups 19522253
19522253 : 19522253 HDH
the_19522253@the-19522253-VirtualBox:~$
```

Hình 19: Sử dụng lệnh `sudo groupadd HDH` và lệnh `sudo usermod -a -G HDH 19522253` để tạo group HDH và thêm user có tên 19522253 vào group HDH.

- Để đảm bảo rằng chúng ta đã thực hiện thành công lệnh `sudo groupadd HDH` để tạo group HDH và lệnh `sudo usermod -a -G HDH 19522253` để thêm user có tên 19522253 vào group HDH ta sử dụng lệnh `sudo groups 19522253`. Lúc này, ta thấy user 19522253 đã ở trong group HDH, có nghĩa là chúng ta đã thực hiện thành công lệnh tạo user có tên là 19522253 nằm trong group có tên là HDH.